

Số: 290/BC-SYT

Hưng Yên, ngày 26 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đóng BHYT, BHXH tự nguyện đối với một số nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29/6/2024; Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27/11/2024; Nghị định 159/2025/NĐ-CP ngày 25/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện; Nghị định 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT; Nghị quyết số 202/2025/NQ-QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Quyết định số 383/QĐ-TTg ngày 21/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 21/11/2025 của Tỉnh ủy Hưng Yên thực hiện Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 03/10/2025 của Ban Bí thư về việc thực hiện bảo hiểm y tế (BHYT) toàn dân trong giai đoạn mới...

Để có cơ sở tham mưu xây dựng Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đóng BHYT đối với một số nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, Sở Y tế báo cáo đánh giá kết quả triển khai chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

Chính sách BHXH, BHYT là hai trụ cột chính của chính sách an sinh xã hội. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách để thúc đẩy công tác an sinh xã hội, tập trung huy động mọi nguồn lực thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Đảng, nhà nước; Đồng thời huy động nguồn lực chăm lo cho các đối tượng yếu thế trong xã hội nhất là người cao tuổi, người khuyết tật, học sinh sinh viên, người thu gom rác thải... góp phần đảm bảo công tác an sinh xã hội và nâng cao tính bền vững, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội đất nước, của địa phương. Trong đó, một số chính sách định hướng được Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương ban hành làm cơ sở cho địa phương định hướng và cụ thể hóa các chính sách cho công tác an sinh xã hội.

- Quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới đã nêu: “Nhà nước ưu tiên đầu tư ngân sách và có cơ chế, chính sách huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân” “Hướng tới thực hiện bao

phủ chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế toàn dân; mọi người dân đều được quản lý và chăm sóc sức khỏe...”.

- Nghị quyết 28-NQ/TW Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách BHXH đã khẳng định “BHXH là trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, đảm bảo ổn định chính trị - xã hội, đời sống Nhân dân và phát triển đất nước; với mục tiêu xác định đến năm 2030 có 60% lực lượng lao động tham gia BHXH, 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hằng tháng”.

- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân (theo đó mục tiêu đến năm 2026 tỷ lệ bao phủ BHYT đạt trên 95% dân số, đến năm 2030 đạt bao phủ toàn dân);

- Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 03/10/2025 của Ban Bí thư về việc thực hiện BHYT toàn dân trong giai đoạn mới (theo đó đến năm 2026 tỷ lệ bao phủ y tế đạt trên 95% dân số, đến năm 2030 đạt mục tiêu bao phủ BHYT toàn dân);

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã khẳng định: “Công dân có quyền được đảm bảo an sinh xã hội”, “Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh”;

- Luật BHXH năm 2024 mở rộng diện tham gia BHXH bắt buộc, tăng cường chế tài đối với việc chậm đóng, trốn đóng BHXH, hoàn thiện BHXH tự nguyện theo hướng linh hoạt phù hợp, khuyến khích người lao động thuộc khu vực phi chính thức tham gia BHXH, hiện đại hóa công tác quản lý đối tượng;

- Luật BHYT sửa đổi (2024) mở rộng đối tượng tham gia được nhà nước bảo hộ một phần, toàn phần để tham gia;

- Nghị quyết 125/NQ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW chỉ đạo các địa phương thực hiện “...tổng kết, đánh giá việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện để làm cơ sở hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện có sự hỗ trợ phù hợp từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người có thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức để mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội; nâng cao ý thức, trách nhiệm của người lao động đối với việc tự bảo đảm an sinh cho bản thân hướng tới hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng hiệu quả.”;

- Nghị định 159/2025/NĐ-CP ngày 25/6/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện. quy định: “Khuyến khích các cơ quan, tổ chức và cá nhân hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách, kết hợp huy động các nguồn lực xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn ngoài mức hỗ trợ quy định tại Nghị định này”.

Giai đoạn 2020-2025, tỉnh Hưng Yên cũ và tỉnh Thái Bình cũ đã có nhiều chính sách hỗ trợ:

(1) Nghị quyết số 276/2020/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đóng BHYT cho đối tượng người khuyết tật địa bàn tỉnh Hưng Yên, thời gian hỗ trợ từ 01/7/2020, cụ thể:

Người khuyết tật chưa có thẻ BHYT có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Hưng Yên: *Mức hỗ trợ 100%*.

(2) Nghị quyết số 332/2020/NQ-HĐND ngày 01/12/2020 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước đóng BHYT cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2021-2025, thời gian hỗ trợ từ 01/01/2021 đến 31/12/2025, cụ thể:

- Đảng viên có từ 30 năm tuổi Đảng trở lên chưa có thẻ BHYT: *Mức hỗ trợ 100%*.

- Người tham gia các tổ thu gom rác tại các thôn, khu phố chưa có thẻ BHYT: *Mức hỗ trợ 100%*.

- Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ: *Mức hỗ trợ 30%* (ngoài mức hỗ trợ 30% của Chính phủ).

- Học sinh Tiểu học, THCS, THPT, TTGDTX tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, sinh viên các trường nghề của tỉnh: *Mức hỗ trợ 30%* (ngoài mức hỗ trợ 30% của Chính phủ; từ 15/8/2025 là 50% quy định tại Nghị định số 188/2025/NĐ-CP).

- Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống trên địa bàn tỉnh chưa có thẻ BHYT: *Mức hỗ trợ 100%*.

- Chức việc, chức sắc thuộc tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống trên địa bàn tỉnh: *Mức hỗ trợ 100%*.

- Người thuộc hộ cận nghèo theo tiêu chí chuẩn cận nghèo theo quy định của Chính phủ có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống trên địa bàn tỉnh: *Mức hỗ trợ 30%* (ngoài mức hỗ trợ 70% của Chính phủ).

- Dân quân thường trực thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh: *Mức hỗ trợ 100%*.

(3) Nghị quyết số 336/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đóng BHYT cho người thuộc hộ gia đình nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025, giai đoạn từ 01/01/2023 đến 31/12/2025, cụ thể:

Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Hưng Yên:

- Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ: *Mức hỗ trợ 40%* (ngoài mức hỗ trợ 30% của Chính phủ và 30% hỗ trợ từ ngân sách tỉnh tại Nghị quyết số 332/2020/NQ-HĐND ngày 01/12/2020 của HĐND tỉnh Hưng Yên).

- Người thuộc hộ gia đình làm ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ: *Mức hỗ trợ 70%* (ngoài mức hỗ trợ 30% của Chính phủ).

(4) Nghị quyết số 456/2024/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng và một số chế độ, chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hưng Yên:

- Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hỗ trợ 100% chi phí đóng BHYT theo quy định.

(5) Quyết định số 3673/QĐ-UBND ngày 31/12/2012 của UBND tỉnh Thái Bình về việc điều chỉnh một số chế độ, chính sách đối với đảng viên đã được tặng huy hiệu 50 năm tuổi đảng trở lên còn sống, không có lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động: mức hỗ trợ bằng 4,5% mức lương tối thiểu chung.

(6) Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Bình, thực hiện từ ngày 01/01/2022:

Người thuộc hộ cận nghèo theo tiêu chí chuẩn cận nghèo theo quy định của Chính phủ: *Mức hỗ trợ 30%* (ngoài mức hỗ trợ 70% của Chính phủ).

(7) Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 27/6/2024 của HĐND tỉnh Thái Bình quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ ANTT; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ ANTT và chế độ chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ ANTT trên địa bàn tỉnh Thái Bình, thực hiện từ tháng 7/2024, cụ thể:

- Thành viên Tổ bảo vệ ANTT tham gia BHXH tự nguyện: Mức hỗ trợ 10% mức đóng hằng tháng theo mức chuẩn nghèo của khu vực nông thôn (ngoài mức hỗ trợ 10% của Nhà nước).

- Thành viên Tổ bảo vệ ANTT tham gia BHYT: Mức hỗ trợ 3% mức lương cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

(8) Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 27/6/2024 của HĐND tỉnh Thái Bình quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cho một số đối tượng đang cư trú trên địa bàn tỉnh Thái Bình, thực hiện từ tháng 7/2024, cụ thể:

- Người cao tuổi từ đủ 70 tuổi đến dưới 80 tuổi chưa được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng BHYT: *Mức hỗ trợ 50%*.

- Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ: *Mức hỗ trợ 20%* (ngoài mức hỗ trợ của Chính phủ).

II. ĐÁNH GIÁ VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ ĐÓNG BHYT, BHXH TỰ NGUYỆN

1. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai thực hiện chính sách

Trong thời gian qua, công tác thực hiện chính sách BHXH, BHYT luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo; các ngành chức năng, đoàn thể,

cấp ủy, chính quyền cơ sở triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, thiết thực nhằm chăm sóc, hỗ trợ các đối tượng còn khó khăn, nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội. Các chế độ chính sách được triển khai cơ bản đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng theo quy định của Nhà nước, của tỉnh; Hàng năm tỉnh bố trí kinh phí và bảo đảm các điều kiện để thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ đóng BHYT, BHXH tự nguyện trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo quy định.

Theo chức năng, nhiệm vụ, Sở Y tế đã phối hợp với các sở, ban, ngành đoàn thể và UBND cấp cơ sở thực hiện công tác tuyên truyền nhằm giúp người dân hiểu được các chính sách về BHXH, BHYT nói chung, chính sách hỗ trợ của địa phương nói riêng thông qua nhiều hình thức: Đăng thông tin trên báo, đài; phát trên hệ thống loa truyền thanh cấp cơ sở, treo băng dôn, khẩu hiệu; thông qua các cuộc giao ban, hội nghị, hội thảo, đối thoại trực tiếp, in tài liệu tuyên truyền, các văn bản về chế độ, chính sách BHXH, BHYT gửi đến cán bộ làm công tác BHXH, BHYT các cấp, các hội, đoàn thể, các cộng tác viên, Nhân dân để biết, thực hiện, giám sát thực hiện chính sách; Ban hành các văn bản triển khai, hướng dẫn về công tác BHXH, BHYT; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về BHXH, BHYT; xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra công tác thực hiện chính sách BHXH, BHYT nhằm kịp thời chấn chỉnh những sai sót, hạn chế; tổng hợp đề xuất những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của các địa phương về tổ chức thực hiện các chính sách BHXH, BHYT.

Nhờ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT; thường xuyên tập huấn cán bộ; kiểm tra, giám sát, hiện nay, nhận thức của các ngành, các cấp và cộng đồng xã hội được nâng lên, đảm bảo thực hiện chính sách BHXH, BHYT đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng.

2. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ

Riêng năm 2025: Tổng số tiền ngân sách địa phương hỗ trợ trên 350 tỷ đồng, với gần 510.000 người được hỗ trợ. Trong đó: Ngân sách tỉnh Hưng Yên cũ hỗ trợ trên 322 tỷ đồng, với 451.000 người; Ngân sách tỉnh Thái Bình cũ hỗ trợ trên 28 tỷ đồng, với hơn 57.000 người.

Nhờ sự hỗ trợ thiết thực của Ngân sách tỉnh, nhiều người dân, nhất là nhóm đối tượng yếu thế, khó khăn về tài chính được tiếp cận với chính sách BHXH, BHYT, dịch vụ y tế, có cơ hội được khám, chữa bệnh BHYT, được chăm sóc sức khỏe, phát hiện, điều trị bệnh sớm, nâng cao thể lực, góp phần tăng năng suất lao động, giảm gánh nặng cho gia đình và xã hội, nâng cao chất lượng an sinh xã hội, góp phần thiết thực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. Đánh giá về chính sách hỗ trợ

3.1. Thuận lợi

- Chính sách BHXH, BHYT được Đảng, Nhà nước quan tâm, chú trọng; luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện sâu sát, thường xuyên của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh. Số người tham gia, thụ hưởng chính sách BHXH, BHYT được mở rộng, tăng theo từng năm. Chính sách BHXH, BHYT đã góp phần quan trọng vào việc ổn định đời sống người lao động, Nhân dân, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội. Việc chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện có sự phân

công, phân cấp rõ ràng, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ, trách nhiệm của các cấp, các ngành, nhất là trong ban hành chính sách, hướng dẫn, bố trí nguồn lực; công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá, nhất là ở địa phương, cơ sở, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý kịp thời các sai sót, tồn tại và phát sinh mới.

- Cấp cơ sở, địa phương đã tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như: Rà soát, nắm bắt đối tượng hưởng, công tác xác định đối tượng hưởng chính sách BHXH, BHYT đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không bị bỏ sót, huy động được đại diện nhiều cơ quan, hội, đoàn thể tham gia; đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, vận động huy động nguồn lực; nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách và chương trình hỗ trợ; thực hiện tốt công tác giám sát và đánh giá.

Ngoài chính sách hỗ trợ chung của Nhà nước, nhờ sự hỗ trợ thêm từ ngân sách địa phương đối với một số nhóm đối tượng tham gia BHYT, BHXH tự nguyện trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thể hiện sự quan tâm lớn của Đảng và Nhà nước đến đối tượng còn khó khăn, yếu thế, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của đối tượng yếu thế trong xã hội, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân trong tỉnh, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và phát triển bền vững.

3.2. Khó khăn, vướng mắc

- Qua nắm bắt cho thấy, trên địa bàn tỉnh vẫn còn một bộ phận người dân khó khăn nhưng chưa được hưởng chính sách BHXH, BHYT (đặc biệt là khu vực tỉnh Thái Bình cũ); một số cử tri có đề xuất với nguyện vọng chính đáng, thiết thực được hỗ trợ chính sách ưu việt này để giảm bớt khó khăn trong cuộc sống, nhất là ốm đau, bệnh tật nếu không có BHYT thì khó có khả năng chữa trị, như vậy khó tiếp cận với dịch vụ y tế.

- Sau khi thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính, việc thực hiện chính sách hỗ trợ đóng BHYT, BHXH tự nguyện có sự khác nhau giữa các địa bàn xã, phường trên phạm vi toàn tỉnh. Điều này gây khó khăn trong công tác tuyên truyền, triển khai chính sách và quản lý đối tượng trên phạm vi toàn tỉnh mới, tạo sự thắc mắc, phản ánh của người dân trong việc thực hiện chính sách BHXH, BHYT giữa các địa bàn xã, phường trong tỉnh.

III. ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Lý do đề xuất

a) Căn cứ vào cơ sở pháp lý

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh về tăng cường công tác BHXH, BHYT; chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới. Trong đó, quan tâm, chú trọng đến người có hoàn cảnh còn khó khăn, đối tượng yếu thế trong xã hội được tiếp cận với dịch vụ và chăm sóc y tế và chính sách BHXH, tiến tới BHXH tới mọi người lao động và BHYT toàn dân; gần đây nhất là “Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách BHXH, xác định đến năm 2030 có 60% lực lượng lao động tham gia BHXH, 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hằng tháng; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân

dân; Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 03/10/2025 của Ban Bí thư về việc thực hiện BHYT toàn dân trong giai đoạn mới” đã xác định và đưa ra mục tiêu BHYT toàn dân vào năm 2030. Bên cạnh đó, một số văn bản đang còn hiệu lực:

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới;

Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới;

Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29/6/2024; Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27/11/2024;

Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018;

Quyết định số 383/QĐ-TTg ngày 21/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045 (mục tiêu giai đoạn 2025-2030 có 100% người cao tuổi có thẻ BHYT);

Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 21/11/2025 của Tỉnh ủy Hưng Yên kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 03/10/2025 của Ban Bí thư về việc thực hiện BHYT toàn dân trong giai đoạn mới;

Công văn số 4860/BTC-BHXXH ngày 15/4/2025 của Bộ Tài chính về việc đề nghị tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, BHYT; Công văn số 1287/UBND-KGVX ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh về thực hiện chính sách BHXH, BHYT và BH thất nghiệp...

b) Căn cứ vào điều kiện thực tế tại tỉnh và qua khảo sát tại địa phương

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, tỉnh Hưng Yên mới chính thức được thành lập, tỉnh Hưng Yên hiện nay có sự khác nhau trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ đóng BHYT, BHXH tự nguyện đối với một số nhóm đối tượng giữa các địa bàn.

Để duy trì và đảm bảo việc thực hiện chế độ, chính sách BHYT, BHXH tự nguyện đối với một số nhóm đối tượng của tỉnh Hưng Yên sau khi sắp xếp đơn vị hành chính được thống nhất, phù hợp với quy định của Trung ương và tình hình thực tế, tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững, việc ban hành Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đóng BHYT, BHXH tự nguyện đối với một số nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030 là rất cần thiết, cấp bách, làm cơ sở cho các cấp, các ngành và các đơn vị chức năng tổ chức thực hiện, Nhân dân trên địa bàn tỉnh được hưởng các chính sách BHXH, BHYT ngày càng tốt hơn.

2. Nội dung đề xuất

Căn cứ vào cơ sở pháp lý và tình hình thực tiễn tại tỉnh; để tạo sự thống nhất trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ đóng BHYT, BHXH tự nguyện đối với một số nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội mới của tỉnh, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững, Sở Y tế đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đóng BHYT, BHXH tự nguyện đối với một số nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026-2030, cụ thể về đối tượng, mức hỗ trợ, như sau:

2.1. Về Bảo hiểm y tế

(1) Đảng viên có từ 30 năm tuổi Đảng trở lên có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống trên địa bàn tỉnh chưa có thẻ BHYT: Mức hỗ trợ 100%.

(2) Cựu Thanh niên xung phong: Mức hỗ trợ 100%

(3) Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo tiêu chí chuẩn cận nghèo theo quy định của Chính phủ: Mức hỗ trợ 30% (ngoài 70% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được quy định tại điểm b, Khoản 6, Điều 6, Nghị định 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT).

(4) Học sinh Tiểu học, THCS, THPT, TTGDTX tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, sinh viên các trường nghề của tỉnh: Mức hỗ trợ 50% (ngoài 50% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được quy định tại điểm đ, Khoản 6, Điều 6, Nghị định 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT).

(5) Người thuộc hộ gia đình nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của pháp luật: Mức hỗ trợ 70% (ngoài 30% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được quy định tại điểm e, Khoản 6, Điều 6, Nghị định 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT)

(6) Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 75 tuổi có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống trên địa bàn tỉnh chưa có thẻ BHYT: Mức hỗ trợ 100% (đối tượng từ đủ 75 tuổi trở lên hưởng chế độ hưu trí xã hội).

(7) Chức việc, chức sắc thuộc tổ chức tôn giáo được nhà nước công nhận có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống trên địa bàn tỉnh chưa có thẻ BHYT: Mức hỗ trợ 100%.

(8) Người khuyết tật có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống trên địa bàn tỉnh chưa có thẻ BHYT: Mức hỗ trợ 100%.

(9) Người tham gia các tổ thu gom rác tại các thôn, khu phố có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống trên địa bàn tỉnh chưa có thẻ BHYT: Mức hỗ trợ 100%.

2.2. Về Bảo hiểm xã hội tự nguyện

(1) Người thuộc gia đình hộ nghèo, cận nghèo.

(2) Các đối tượng còn lại tham gia BHXH tự nguyện.

Mức hỗ trợ thêm 10% mức đóng BHXH hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn (ngoài quy định tại Khoản 1, Điều 5, Nghị định 159/2025/NĐ-CP).

2.3. Mức kinh phí dự kiến

- Kinh phí để hỗ trợ thêm mức đóng BHYT cho một số nhóm đối tượng nêu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên dự kiến: Khoảng 784 tỷ đồng/năm.

- Kinh phí hỗ trợ thêm mức đóng BHXH tự nguyện: Khoảng 47 tỷ đồng/năm.

Tổng kinh phí dự kiến là khoảng 831 tỷ đồng/năm, với khoảng 950.000 người được hỗ trợ (riêng học sinh khoảng 540.000 em, chiếm khoảng 57%), với mức hỗ trợ từ 10% đến 100%.

(Có Phụ lục dự toán chi tiết kèm theo).

Ghi chú: Khi điều kiện kinh tế - xã hội tăng trưởng và phát triển thì một số nhóm đối tượng đề xuất hỗ trợ trên sẽ giảm, tức là mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương sẽ giảm so với dự tính, dự toán (như hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình; người dân có việc làm sẽ chuyển sang hình thức tham gia BHXH, BHYT bắt buộc...).

2.4. Thời gian áp dụng: Từ ngày 01/01/2026 đến 31/12/2030.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đóng BHYT, BHXH tự nguyện đối với một số nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Sở Y tế trân trọng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình cấp có thẩm quyền đề xuất chủ trương ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước mức đóng BHYT, BHXH tự nguyện cho một số nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026 - 2030./

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các sở, ngành: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp, Giáo dục & Đào tạo, BHXH tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lãnh đạo SYT;
- Lưu VT, NVY.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Anh



UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ Y TẾ

PHỤ LỤC NHÓM ĐỐI TƯỢNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐÓNG BHYT, BHXH TỰ NGUYỄN
TỪ NGÂN SÁCH TỈNH HƯNG YÊN, GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Báo cáo số 29/BC-SYT ngày 11/11/2025 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên)

TT	Nhóm đối tượng	Đơn vị tính	Số người	Tỷ lệ (mức) hỗ trợ theo quy định của Chính phủ	Tỷ lệ (mức) hỗ trợ thêm từ NSDP	Dự kiến mức hỗ trợ 12 tháng/người	Số tiền đóng của 1 năm theo mức đóng năm 2025 (Đồng)
I	Bảo hiểm y tế		954,089				784,380,079,080
1	Đảng viên có từ 30 năm tuổi Đảng trở lên	Người	1,500	0%	100%	1,263,600	1,895,400,000
2	Cựu Thanh niên xung phong	Người	200	0%	100%	1,263,600	252,720,000
3	Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo tiêu chí chuẩn cận nghèo theo quy định của Chính phủ:	Người	10,561	70%	30%	379,080	4,003,463,880
4	Học sinh tiểu học, THCS, THPT tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; Sinh viên các trường nghề của tỉnh	Người	534,892	50%	50%	631,800	337,944,765,600
5	Người thuộc hộ gia đình nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của pháp luật	Người	195,000	30%	70%	884,520	172,481,400,000
6	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 75 tuổi	Người	208,936	0%	100%	1,263,600	264,011,529,600
7	Chức việc, chức sắc thuộc tổ chức tôn giáo được nhà nước công nhận có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống trên địa bàn tỉnh	Người	500	0%	100%	1,263,600	631,800,000
8	Người khuyết tật chưa có thẻ bảo hiểm y tế, có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Người	1,000	0%	100%	1,263,600	1,263,600,000
9	Người tham gia các tổ thu gom rác tại các thôn, khu phố	Người	1,500	0%	100%	1,263,600	1,895,400,000
II	Bảo hiểm xã hội tự nguyện		119000			396,000	47,124,000,000
	Tổng cộng = (I) + (II)						831,504,079,080

Ghi chú : - Riêng Thành viên Tổ bảo vệ ANTT ở cơ sở đã được Công an tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết riêng với mức đề xuất hỗ trợ BHYT thêm 50% (ngoài 50% mức hỗ trợ của Chính phủ), BHXH tự nguyện thêm 10% (ngoài mức hỗ trợ theo quy định của Chính phủ)

SỐ ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHYT DO NSĐP HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH
SỐ THỰC HIỆN NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 29/UBC-SYT ngày 11/11/2025 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên)

TT	Nhóm đối tượng	Đơn vị tính	Số người	Tỷ lệ (mức) hỗ trợ	Dự kiến mức hỗ trợ 12 tháng/người	Số tiền đóng của 1 năm (theo mức đóng năm 2025) (Đồng)
I	Bảo hiểm y tế		507,684			349,896,778,920
	Tỉnh Hưng Yên cũ		451,249			322,247,820,960
1	Đảng viên có từ 30 năm tuổi Đảng trở lên chưa có thẻ BHYT	Người	1,317	100%	1,263,600	1,664,161,200
2	Người tham gia các tổ thu gom rác tại các thôn, khu phố chưa có thẻ BHYT	Người	825	100%	1,263,600	1,042,470,000
3	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 75 tuổi chưa có thẻ BHYT Hưng Yên	Người	103,563	100%	1,263,600	130,862,206,800
4	Chức việc, chức sắc thuộc tổ chức tôn giáo được nhà nước công nhận có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống trên địa bàn tỉnh	Người	243	100%	1,263,600	307,054,800
5	Người khuyết tật chưa có thẻ bảo hiểm y tế, có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Người	730	100%	1,263,600	922,428,000
6	Lực lượng ANTT ở cơ sở	Người	1,097	100%	1,263,600	1,386,169,200
7	Hộ gia đình cận nghèo	Người	5,540	30%	379,080	2,100,103,200
8	Học sinh các trường tiểu học, THCS, THPT (Chính phủ hỗ trợ 50%)	Người	227,039	30%	379,080	86,065,944,120
9	Sinh viên các trường nghề trên địa bàn tỉnh	Người	379	30%	379,080	143,671,320
10	Hộ gia đình có MSTB (Chính phủ hỗ trợ 30%)	Người	110,516	70%	884,520	97,753,612,320
	Tỉnh Thái Bình cũ		56,435			27,648,957,960
1	Hộ gia đình cận nghèo	Người	15,582	30%	379,080	5,906,824,560
2	Hộ gia đình có MSTB	Người	11,534	20%	252,720	2,914,872,480
3	Lực lượng ANTT ở cơ sở (hỗ trợ 3% trên 4.5%)	Người	1,470	66%	833,976	1,225,944,720
4	Người từ đủ 70 tuổi đến 74 tuổi	Người	27,839	50%	631,800	17,588,680,200
5	Đảng viên 50 năm tuổi đảng	Người	10	100%	1,263,600	12,636,000
II	Bảo hiểm xã hội tự nguyện (Thái Bình cũ)		690			273,240,000
1	Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (hỗ trợ thêm 10% ngoài quy định của Chính phủ)	Người	690	10%	396,000	273,240,000
	Tổng cộng = (I) + (II)		508,374			350,170,018,920

